

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
LẦN THỨ XIX**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 10 năm 2015

*
Số 01-NQ/ĐH

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI LẦN THỨ XIX

ĐẾN	Ngày: 22.11.2015
	Chức vụ: PKTH

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX họp từ ngày 20/10/2015 đến ngày 23/10/2015 tại Nhà Văn hoá lao động tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT NGHỊ

A. Tán thành những nội dung về đánh giá tình hình 5 năm 2010 - 2015 và mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm 2015 - 2020 nêu trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII trình Đại hội XIX:

I. Đánh giá tình hình 5 năm 2010 - 2015

Năm năm qua, tỉnh ta đã đạt được nhiều thành quả quan trọng, tạo tiền đề đầy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tổng sản phẩm tăng đáng kể. Các ngành, thành phần, vùng kinh tế đều phát triển. Giáo dục, đào tạo; khoa học, công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Các vấn đề xã hội được chú trọng thực hiện; đời sống của Nhân dân được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững; chính trị - xã hội ổn định. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên; các tổ chức trong hệ thống chính trị được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Một số chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt; tốc độ tăng trưởng kinh tế và tăng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, dịch vụ đạt thấp; chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện; năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa theo kịp chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; đô thị phát triển chậm; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; ô nhiễm môi trường gia tăng. Văn hoá - xã hội phát triển chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế; trật tự an toàn xã hội còn những yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các hội, đoàn thể còn một số yếu kém chậm được khắc phục; đời sống của Nhân dân nhiều vùng còn khó khăn.

Những khuyết điểm, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan do khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu; diễn biến phức tạp

trên Biên Đông; thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại nặng nề, nhưng chủ yếu bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan, đó là: Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, hội, đoàn thể trong tỉnh còn hạn chế. Việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa tốt; một số cơ chế, chính sách của tỉnh chưa tạo được sức hút mới; quy trình, thủ tục hành chính còn phức tạp. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; năng lực yếu, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết XVIII, Đại hội rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

1. Tập trung xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực, nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Bám sát tình hình thực tiễn, tăng cường phân tích, dự báo tình hình để thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Đảng, Nhà nước; bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển. Kiên trì, sáng tạo trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra công vụ. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy trong huy động và sử dụng nguồn lực cho đầu tư phát triển.

3. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm. Đối với những vấn đề khi còn nhiều ý kiến khác nhau, cần có phương thức thực hiện dân chủ rộng rãi, khuyến khích sáng tạo và quyết tâm thực hiện. Trong chỉ đạo thực hiện, phải kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giảm giấy tờ hành chính, hội họp; tăng cường kiểm tra, chỉ đạo trực tiếp.

4. Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội và là động lực cho phát triển. Tăng cường quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; tạo đồng thuận xã hội.

II. Mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 5 năm 2015 - 2020

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đồng bộ với phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; giữ vững quốc phòng, an ninh; phấn đấu sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Các chỉ tiêu

2.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân 5 năm 6 - 7 %/năm (*giá so sánh năm 2010*).

2.2. Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người khoảng 3.600 - 4.000 USD.

2.3. Tỷ trọng cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2020: Công nghiệp 60 - 61%; dịch vụ 28 - 29%; nông nghiệp 11 - 12%.

2.4. Huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm ít nhất 90.000 tỷ đồng.

2.5. Phân đầu thực hiện vượt mức chỉ tiêu thu ngân sách trung ương giao hàng năm.

2.6. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020 đạt 01 tỷ USD.

2.7. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 23%.

2.8. Phân đầu đến năm 2020, có 55 xã và 02 huyện đạt các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

2.9. Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn khoảng 40%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 55%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 80% - 85%.

2.10. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020: Mầm non 35%, Tiểu học 70%, THCS 75%, THPT 60%.

2.11. Đến năm 2020, số giường bệnh/vạn dân đạt 24 giường; đạt 07 bác sĩ/vạn dân; tuổi thọ trung bình 75 tuổi; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,92%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 85% dân số.

2.12. Đến năm 2020, có 88% gia đình, 78% thôn, tổ dân phố, 96% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

2.13. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm (*trong đó: miền núi giảm 4%/năm; đồng bằng giảm 1,6%/năm*).

2.14. Đến năm 2020, phân đầu 89% dân cư thành thị sử dụng nước sạch; 95% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó có 50% sử dụng nước sạch; 60% chất thải nguy hại, trên 85% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia.

2.15. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 52%.

2.16. Hàng năm xây dựng 90% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt 60%. Hàng năm, phân loại đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" có 80% số xã, phường, thị trấn, cơ quan, nhà trường và 70% doanh nghiệp đạt loại khá trở lên, không có loại yếu.

2.17. Bình quân hàng năm có 50% số tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh và kết nạp 1.700 đảng viên.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; sản xuất gắn với thị trường; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Quản lý chặt chẽ tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1.1. Phát triển công nghiệp tiếp tục là nhiệm vụ đột phá

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt khoảng 113.000 tỷ đồng, tăng bình quân 2 - 3%/năm, nếu không tính giá trị sản phẩm Nhà máy lọc dầu thì tăng 14 - 15%/năm. Giá trị công nghiệp tăng thêm (giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 khoảng 24.400 tỷ đồng, tăng bình quân 3 - 4%/năm. Tỷ lệ lao động công nghiệp - xây dựng trong tổng lao động của tỉnh chiếm 32%.

Sử dụng hiệu quả vốn nhà nước và huy động tổng hợp nguồn lực xã hội đầu tư hoàn thiện hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp; từng bước xây dựng hạ tầng Khu Công nghiệp Phổ Phong; hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tốc độ phát triển Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi. Khẩn trương hoàn thành các khu tái định cư và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch cho các dự án lớn trên địa bàn; tích cực thúc đẩy sớm hình thành trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng của Quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất.

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, tăng tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp. Tích cực xúc tiến đầu tư, nhất là có giải pháp hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện dự án; chú trọng dự án tạo giá trị gia tăng cao; phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản; công nghiệp phụ trợ; công nghiệp hóa dầu; các ngành công nghiệp giải quyết nhiều lao động. Kiên quyết từ chối các dự án có công nghệ lạc hậu, có nguy cơ ô nhiễm môi trường; xử lý dứt điểm những dự án chậm đầu tư kéo dài, kém hiệu quả.

3.1.2. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên 06 huyện miền núi

Tập trung chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực cho nông nghiệp; phấn đấu giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 3,5 - 4%/năm. Thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy nhanh tiến độ dồn điền, đổi thửa; ổn định diện tích trồng lúa. Xây dựng một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác liên kết giữa hộ nông dân với các tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh

nghiệp. Phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình, củng cố kinh tế tập thể, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật; xây dựng thương hiệu hàng nông sản. Chú trọng tổ chức sản xuất theo quy trình, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển chăn nuôi theo mô hình tập trung. Ưu tiên đầu tư hệ thống thủy lợi và cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành nông nghiệp.

Phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng cây gỗ quý, cây trồng mới có giá trị kinh tế cao, từng bước giảm diện tích cây keo. Tăng cường quản lý rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng; thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng; sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp.

Phát triển tàu thuyền có công suất lớn phù hợp với ngư trường, ngành nghề; đẩy mạnh phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá. Có giải pháp chuyên giao cho ngư dân ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong bảo quản, sơ chế sản phẩm thủy sản.

Ưu tiên bố trí nguồn lực, phát huy nội lực của cộng đồng dân cư và xã hội để đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, nhất là ở các huyện miền núi. Đổi mới việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo ở miền núi theo hướng người nghèo tạo ra càng nhiều sản phẩm thì càng được hỗ trợ nhiều từ kinh phí nhà nước. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao trình độ dân trí, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong một bộ phận hộ nghèo. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; ngăn chặn có hiệu quả các hủ tục, phòng ngừa dịch bệnh.

3.1.3. Phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo là nhiệm vụ trọng tâm

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ (*giá so sánh năm 2010*) tăng bình quân 12%/năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (*giá hiện hành*) đến năm 2020 khoảng 70.000 tỷ đồng; tỷ lệ lao động dịch vụ trong tổng lao động của tỉnh chiếm trên 28%.

Quy hoạch, từng bước đầu tư hoàn thiện hạ tầng du lịch; gắn phát triển du lịch của tỉnh với du lịch của vùng theo hướng nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp để bảo đảm các sản phẩm du lịch có thương hiệu và tính cạnh tranh. Tiếp tục đầu tư, thu hút đầu tư để phát triển hạ tầng và dịch vụ du lịch ở các khu, điểm du lịch Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Lý Sơn, Thiên Đường, Bình Châu, Thiên Ân... Tăng số lượng, chất lượng khách sạn, nhà hàng; nâng cao trình độ, chất lượng phục vụ của ngành dịch vụ, du lịch.

Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ; nâng cao chất lượng dịch vụ công. Ưu tiên phát triển các dịch vụ có giá trị gia tăng cao, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho phát triển công nghiệp và phục vụ dân sinh như: Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp, dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, tài chính ngân hàng, thông tin viễn thông, vận tải, giáo dục, y tế, môi trường, nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp...

Phát triển kinh tế biển, đảo đồng bộ cả công nghiệp, du lịch, dịch vụ, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản, cảng biển và vận tải biển. Nghiên cứu điều chỉnh các quy hoạch bảo đảm phát triển hài hòa giữa công nghiệp, dịch vụ và du lịch. Tăng cường hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển, hạ tầng phục vụ phát triển thủy sản. Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển. Nghiên cứu đề xuất những chính sách về giáo dục, y tế, an sinh... hỗ trợ Nhân dân vùng ven biển và đảo của tỉnh.

Quy hoạch và xây dựng Lý Sơn thành đảo du lịch, mạnh về kinh tế, vững chắc về quốc phòng, an ninh, là tiền tiêu bảo vệ biển, đảo. Chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế huyện đảo theo hướng tăng tỷ trọng du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Tăng nhanh diện tích rừng; đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường; tiết kiệm nguồn nước ngọt; nâng cao chất lượng các dịch vụ; phát triển du lịch cộng đồng. Triển khai thực hiện dự án khu bảo tồn thiên nhiên biển; xây dựng Cảng Bến Đình; lập hồ sơ trình Chính phủ công nhận đảo Lý Sơn là di sản văn hóa cấp quốc gia đặc biệt. Cổ giải pháp hữu hiệu, nhất là tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng vì sự phát triển bền vững để từng bước thay đổi phong tục, tập quán chôn cất, thực hiện di dời cải táng mồ mả, bảo đảm môi trường, tiết kiệm quỹ đất phục vụ phát triển du lịch, dịch vụ.

3.1.4. Chú trọng phát triển thương mại, tạo đầu ra cho sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, hợp tác đầu tư, tiêu thụ sản phẩm. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ theo quy hoạch, xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm; thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị. Tạo mối liên kết giữa doanh nghiệp kinh doanh thương mại với nông dân để tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

3.1.5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị là nhiệm vụ đột phá

Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tập trung nguồn lực của Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội để đầu tư: đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 2), Trì Bình - Dung Quất, Tịnh Phong - Dung Quất, nâng cấp các tuyến đường từ thành phố Quảng Ngãi đến các huyện Nghĩa Hành,

Minh Long, Sơn Hà; từng bước nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi; nghiên cứu đầu tư Trung tâm Hành chính tỉnh; hoàn thiện Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Y học cổ truyền (giai đoạn 2); Khu liên hợp thể dục, thể thao. Xúc tiến và hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các dự án khu đô thị trên địa bàn tỉnh; thu hồi các dự án xây dựng khu dân cư, đô thị chậm tiến độ.

Lựa chọn các công trình hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở từng đô thị để có kế hoạch huy động, bố trí nguồn lực, ưu tiên nguồn lực đầu tư hoàn thiện hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi; chỉnh trị sông Trà Khúc gắn với phát triển đô thị hai bên bờ sông; xây dựng thị xã Đức Phổ trực thuộc tỉnh, Vạn Tường đạt đô thị loại IV, xây dựng thị trấn Sơn Tịnh và kết cấu hạ tầng đô thị trung tâm cấp huyện, các đô thị mới trực thuộc huyện.

3.1.6. Đổi mới công tác xúc tiến thu hút đầu tư; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); phát triển doanh nghiệp

Hoàn thiện cơ chế quản lý và đổi mới công tác xúc tiến đầu tư, nhất là cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư; phối hợp chặt chẽ với nhà đầu tư, nhất là Công ty VSIP Quảng Ngãi để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, hạ tầng đô thị và những ngành có lợi thế của tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện để nhà đầu tư tăng quy mô, mở rộng sản xuất, đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước, nhất là các tập đoàn kinh tế lớn; có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư các dự án sản xuất công nghệ cao, công trình về hạ tầng kỹ thuật, các dự án an sinh xã hội.

Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trở thành lực lượng quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khuyến khích phát triển doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; các đơn vị sự nghiệp công lập tập trung đầu tư vào các lĩnh vực thiết yếu mà thành phần kinh tế khác không đầu tư.

3.1.7. Tăng cường công tác đối ngoại, tích cực hội nhập quốc tế; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, coi trọng phát huy nội lực

Tăng cường quan hệ đối ngoại, chú trọng các mối quan hệ hữu nghị truyền thống, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), gia nhập cộng đồng ASEAN, thực hiện các hiệp định tự do thương mại (FTA) song phương, đa phương. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế.

Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách trung ương, đề xuất cơ chế đặc thù điều tiết nguồn thu từ Khu Kinh tế Dung Quất, Nhà máy lọc dầu Dung Quất; thu hút mạnh vốn FDI, vốn ODA, vốn các ngân hàng, quỹ tài chính quốc tế, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; đồng thời, khuyến khích phát triển đồng bộ các loại thị trường: tài chính, tín dụng, bất động sản.

Công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước. Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm; khai thác hợp lý nguồn lực từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản bằng nhiều hình thức, khuyến khích hình thức hợp tác công tư.

3.1.8. Tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên, khoáng sản; khuyến khích ứng dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới, phát triển kinh tế xanh.

Trước khi thực hiện các dự án phải đánh giá kỹ tác động môi trường. Huy động nguồn lực đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn theo công nghệ tiên tiến để thay thế biện pháp chôn lấp; thu gom, xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn quy định. Xử lý dứt điểm các điểm ô nhiễm môi trường, nhất là điểm tàn dư thuốc bảo vệ thực vật. Quy hoạch sử dụng và bảo vệ nguồn nước. Chủ động, tích cực thực hiện giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; quy hoạch xây dựng công trình công cộng phải gắn với chức năng phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai; quản lý chặt chẽ việc chinh trị, nạo vét, thông luồng các dòng sông, cửa biển.

3.1.9. Quy hoạch và quản lý thực hiện đồng bộ các quy hoạch; xây dựng cơ chế, chính sách thông thoáng để phát triển kinh tế - xã hội

Rà soát, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thành phố; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2015 - 2020; hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các ngành, vùng kinh tế, kết cấu hạ tầng, đô thị. Quy hoạch và quản lý thực hiện đồng bộ các quy hoạch ngành với quy hoạch sử dụng đất; ban hành Quy chế quản lý quy hoạch để bảo đảm tuân thủ thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt; công khai rộng rãi quy hoạch để tổ chức, công dân dễ dàng tiếp cận và giám sát việc thực hiện.

Tiếp tục thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hiện có; đồng thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách nhằm tạo sự thông thoáng, hấp dẫn trong thu hút đầu tư và thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; chính sách phát triển công

ng nghiệp phụ trợ và chế biến, nhất là chế biến nông, lâm, thủy sản; cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ cho các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ, nhất là hàng xuất khẩu; chính sách bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng; chính sách khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, thể thao, du lịch, môi trường; chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

3.2. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội

3.2.1. *Phát huy, giữ gìn bản sắc văn hóa Quảng Ngãi; xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế*

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hoá; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử, văn hoá, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc Quảng Ngãi; lập hồ sơ đề nghị công nhận huyện Lý Sơn - xã Bình Châu (huyện Bình Sơn) và vùng phụ cận là Công viên địa chất toàn cầu. Thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội; đầu tư xây dựng đồng bộ, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hoá.

Phát triển sự nghiệp văn học, nghệ thuật; khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ văn nghệ sĩ, nghệ nhân sáng tác những tác phẩm có giá trị cao.

Xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ, có tính hợp tác cao, khảng khái, khoan dung, thân thiện, năng động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá và hội nhập quốc tế.

3.2.2. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo

Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, kỹ năng của người học; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ, kiến thức pháp luật và ý thức công dân. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo; đẩy nhanh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đạt 100%. Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng bình quân hàng năm đạt từ 30% đến 35%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt mức bình quân cả nước; hằng năm có từ 20 đến 25 học sinh giỏi cấp quốc gia. Huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục, đào tạo, ưu tiên đầu tư, hoàn thiện trường học bậc mầm non.

Tích cực phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Chú trọng phát triển giáo dục ở miền núi, khắc phục tình trạng học

sinh bỏ học. Đổi mới việc phân cấp, sử dụng ngân sách chi cho giáo dục giữa ngành và địa phương, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực.

3.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ đột phá, trong đó chú trọng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực. Phát huy vai trò của các tổ chức và toàn xã hội trong việc đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực.

Đổi mới công tác quy hoạch, đánh giá, bố trí, sử dụng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thiện chính sách đãi ngộ, sử dụng cán bộ giỏi, có trình độ cao, chuyên gia trên số lĩnh vực. Đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật. Xây dựng và thực hiện đề án thu hút và đào tạo chuyên gia giỏi ở một số ngành, lĩnh vực.

Nhà nước thực hiện tốt các khâu dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh; tạo lập môi trường phát triển thị trường lao động; hỗ trợ đào tạo doanh nhân. Tập trung đào tạo nghề và giải quyết việc làm; có giải pháp để giải quyết việc làm cho số sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng chưa có việc làm. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo hướng nguồn lực của Nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho người sử dụng lao động và người lao động để doanh nghiệp chủ động đào tạo gắn với sử dụng lao động. Khuyến khích phát triển loại hình doanh nghiệp dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm. Trung bình mỗi năm giải quyết việc làm mới cho khoảng 40.000 lao động.

3.2.4. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, phát huy vai trò của công nghệ thông tin và báo chí

Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ cho các vùng nông thôn, miền núi, xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến. Đầu tư phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông đồng bộ, hiện đại. Đến năm 2020, có 80% tổ chức, công dân sử dụng dịch vụ hành chính công do Nhà nước cung ứng qua mạng Internet. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nền tảng hình thành xã hội điện tử. Chú trọng quản lý các loại hình thông tin trên mạng Internet. Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí.

3.2.5. Phát triển sự nghiệp y tế và thể dục, thể thao

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước trên lĩnh vực y tế, thể dục, thể thao; tăng cường nguồn lực của Nhà nước kết hợp đẩy

manh xã hội hoá đề đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, thể dục, thể thao.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; trách nhiệm, thái độ, kỹ năng giao tiếp, phục vụ bệnh nhân của đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ y tế. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh; đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh để cơ bản đạt tiêu chuẩn hạng I; thu hút đầu tư xây dựng bệnh viện chất lượng cao. Nâng cao chất lượng hệ thống y tế cơ sở; tăng cường hợp tác với các bệnh viện lớn trong và ngoài nước; thực hiện chính sách thu hút cán bộ y tế có trình độ cao về công tác tại tỉnh. Chú trọng công tác y tế dự phòng và truyền thông, giáo dục sức khỏe, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Phát triển mạng lưới y tế học đường; tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người nghèo và các đối tượng chính sách; củng cố, hoàn thiện cơ sở y tế quân - dân y ở Lý Sơn, phát huy vai trò y, bác sĩ trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đóng quân. Giám ty lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, đặc biệt là ở miền núi.

Phát triển thể dục, thể thao; đầu tư, phát triển các môn thể thao trọng điểm, có thế mạnh của địa phương, chú trọng các môn thể thao thành tích cao; từng bước hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng thể thao. Có kế hoạch đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể dục, thể thao và Nhà luyện tập, thi đấu đa năng phù hợp với khả năng huy động nguồn lực. Phần đầu tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên đến năm 2020 đạt 36%, tỷ lệ hộ gia đình tham gia 25%. Quan tâm giáo dục ý thức dinh dưỡng để nâng cao thể chất cho thế hệ trẻ.

3.2.6. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, an sinh xã hội; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp... Huy động nhiều nguồn lực để thực hiện công tác “đền ơn đáp nghĩa”; xây mới, sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng và hộ nghèo.

Triển khai đồng bộ chương trình giảm nghèo, các chương trình mục tiêu quốc gia, phần đầu giảm nghèo bền vững. Chú trọng giải quyết việc làm cho lao động dôi dư từ khu vực nông nghiệp do việc tích tụ, tập trung ruộng đất và chuyển đổi đất nông nghiệp sang phát triển công nghiệp, đô thị và các công trình công cộng.

3.3. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc; đẩy mạnh công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thế trận an ninh nhân dân, “thế trận lòng dân” vững chắc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn

lật đổ" của các thế lực thù địch. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh; tăng cường bảo vệ chủ quyền biển, đảo; chủ động chuẩn bị lực lượng, phương tiện ứng phó với những tình huống phức tạp trên Biển Đông; tích cực hỗ trợ và thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ tàu thuyền, ngư dân khai thác hải sản xa bờ; khắc phục có hiệu quả tình trạng ngư dân sử dụng thuốc nổ đánh bắt hải sản; nghiêm cấm khai thác tài nguyên biển trong danh mục cấm, động vật quý hiếm từ rừng và biển.

Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; huy động lực lượng dự bị động viên đạt trên 95%; xây dựng lực lượng công an xã, phường, thị trấn vững mạnh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ ổn định đạt 1,5% dân số; 100% xã, phường, thị trấn trọng điểm về quốc phòng, an ninh tổ chức tiểu đội dân quân thường trực hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh tấn công, trấn áp các loại tội phạm; kiểm chế tai nạn giao thông; tăng cường phòng cháy, chữa cháy; chủ động xử lý các tình huống có thể xảy ra khiêu khích đông người, phức tạp, kéo dài, vượt cấp.

Thực hiện có hiệu quả Chiến lược cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện nghiêm quy định kê khai, công khai tài sản, thu nhập; tích cực phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực như: chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, các quan hệ lợi ích cục bộ, tình trạng chạy chức, chạy quyền, không minh bạch trong đấu thầu...

3.4. Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, nhất là cải cách thủ tục hành chính

Tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; chất lượng giám sát, chất vấn, trả lời chất vấn, theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri; chất lượng hoạt động tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân, của Thường trực, các ban và đại biểu Hội đồng nhân dân. Nâng cao chất lượng ban hành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đã ban hành để đánh giá kết quả thực hiện và sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới cho phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh; giảm thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân. Xây dựng và công khai quy trình xử lý, giải quyết công việc hành chính để tổ chức, công dân biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tính thông suốt của hệ thống hành chính nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền. Sắp xếp tổ chức bộ máy; điều

chính chức năng, nhiệm vụ của một số cơ quan trong hệ thống chính quyền; xây dựng, tổ chức thực hiện Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Nghiên cứu hình thành trung tâm hoặc viện nghiên cứu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trung tâm dịch vụ hành chính công.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, đạo đức công vụ tốt, tinh chuyên nghiệp cao, có kỹ năng xử lý các tình huống. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Thường xuyên thanh tra, kiểm tra công vụ; kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện tinh giảm biên chế theo quy định của Chính phủ.

Chuyển mạnh các hoạt động sự nghiệp có thu sang cơ chế tự chủ về tài chính, từng bước xã hội hóa các hoạt động cung cấp dịch vụ công. Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, bảo đảm phần lớn các giao dịch hành chính, cung cấp dịch vụ công, thông tin về cơ chế, chính sách được thực hiện qua mạng.

3.5. Tăng cường công tác dân vận; nâng cao chất lượng hoạt động của mặt trận, các đoàn thể nhân dân; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận, Mặt trận và các đoàn thể; trọng tâm là kiện toàn tổ chức, công tác cán bộ và định hướng nội dung hoạt động. Thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; công tác dân tộc, công tác tôn giáo; thực hiện quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở.

Cấp ủy và người đứng đầu thường xuyên tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe và giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của cán bộ và Nhân dân. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Quy chế giám sát, phản biện xã hội; Quy định về việc Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền.

Mặt trận, đoàn thể các cấp thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên, đoàn viên, Nhân dân; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, đa dạng các hình thức tập hợp quần chúng; chú trọng vận động, tập hợp, động viên nhân sĩ, trí thức, doanh nhân, đồng bào các dân tộc, đồng bào có đạo, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số, kiều bào yêu nước tích cực đóng góp xây dựng quê hương. Đẩy mạnh và nâng cao

chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân.

3.6. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, trọng tâm là tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI. Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ lãnh đạo, quản lý từ tỉnh đến cơ sở nghiêm túc, tự giác và có kế hoạch, biện pháp thiết thực để khắc phục, sửa chữa những yếu kém, khuyết điểm đã được nêu ra qua kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4; định kỳ kiểm tra, giám sát tổ chức đảng và đảng viên về thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI.

3.6.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng; thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Nâng cao chất lượng tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng; truyền thống của dân tộc và quê hương. Quán triệt, triển khai thực hiện tốt nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, hiệu quả của công tác tư tưởng và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng ở các cấp. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục công dân, giáo dục đạo đức cho cán bộ, công chức của tỉnh. Ngăn chặn, đẩy lùi "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Khắc phục có hiệu quả sự suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Chủ động nắm bắt và kịp thời định hướng dư luận, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội.

Đưa việc "làm theo" tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thành nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

3.6.2. Đổi mới, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy đảng và hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên

Thường xuyên kiện toàn tổ chức trong hệ thống chính trị. Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm để tiến hành đổi mới tổ chức, tinh giảm biên chế, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính và phát huy dân chủ trong Đảng.

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên; đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ; kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, chú ý tổ chức đảng trong doanh nghiệp, khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên mới, quan tâm các đối tượng tuổi trẻ, khu vực nông thôn, nơi ít đảng viên và người có đạo.

3.6.3. *Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ*

Xây dựng đội ngũ cán bộ bảo đảm số lượng, chất lượng; đồng bộ về cơ cấu, trẻ hóa, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Tuyên dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn chức danh và ngạch, bậc cần tuyển.

Đánh giá cán bộ phải lấy hiệu quả công tác thực tế và sự tin nhiệm của cán bộ, Nhân dân làm thước đo chủ yếu; phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai; coi trọng và phát huy trách nhiệm của người đứng đầu; gắn đánh giá cán bộ với kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ, dân tộc thiểu số; cán bộ có năng lực thực tiễn, cán bộ trưởng thành từ cơ sở. Quy hoạch cán bộ phải bảo đảm cơ cấu các độ tuổi, giãn cách giữa các thế hệ; bảo đảm phương châm "động" và "mở".

Thực hiện tốt việc bổ nhiệm cán bộ và chủ trương của Trung ương về thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo quản lý cấp sở, cấp phòng. Thực hiện chế độ miễn nhiệm, từ chức, thôi việc; kiên quyết thay thế những cán bộ kém phẩm chất và năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ.

Đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ, tạo điều kiện để cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện qua thực tiễn; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ; tiếp tục thực hiện chủ trương của Trung ương về bố trí một số chức danh cán bộ không phải là người địa phương.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp; đào tạo cán bộ theo quy hoạch và theo tiêu chuẩn chức danh. Thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ; các quy định của Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng nắm và giải quyết kịp thời vấn đề chính trị hiện nay.

3.6.4. *Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng*

Quán triệt, tổ chức thực hiện đồng bộ công tác kiểm tra và giám sát; "giám sát phải mở rộng", "kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm". Tập trung kiểm tra, giám sát việc: Chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, nguyên tắc của Đảng; thực hiện các chính sách đối với người nghèo, các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, ủng hộ; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công, quản

lý và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; triển khai các dự án quan trọng của tỉnh; sử dụng biên chế; cải cách hành chính; thực hiện các chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; công tác cán bộ; thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Thực hiện tốt sự phối hợp giữa ủy ban kiểm tra các cấp với các cơ quan liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc kiểm tra, giám sát và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên.

3.6.5. *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*

Tiếp tục cụ thể hóa nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng; không ngừng nâng cao vai trò, trách nhiệm, bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng. Đề cao trách nhiệm của Đảng trước Nhân dân. Tăng cường chất vấn trong các kỳ họp của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về nhất thể hóa một số chức danh, tổ chức; tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu, đội ngũ làm công tác tham mưu, giúp việc của cấp ủy. Kịp thời cụ thể hóa, lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội; lãnh đạo thực hiện toàn diện các mặt công tác, các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm. Xây dựng đồng bộ các quy chế, quy định, quy trình công tác, bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng; phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị, người đứng đầu; tăng cường công tác thực tế, hướng mạnh về cơ sở, nắm bắt và giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

B. Thông qua Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII. Từ kinh nghiệm của khóa trước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX cần phát huy ưu điểm, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ tới.

C. Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý các dự thảo văn kiện trình Đại hội XII của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh, báo cáo Trung ương.

D. Thông qua kết quả Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX gồm 56 đồng chí và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng gồm 17 đồng chí đại biểu chính thức và 01 đồng chí đại biểu dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX hoàn

chính hồ sơ về kết quả bầu cử, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng có liên quan để quyết định chuẩn y theo quy định.

E. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX căn cứ Nghị quyết Đại hội, trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, xây dựng chương trình hành động, các kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội.

Với tinh thần "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới", toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh ra sức nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra, đưa tỉnh Quảng Ngãi vững bước tiến nhanh trên con đường giàu đẹp, văn minh, góp phần xứng đáng cùng với cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư
- Các ban đảng Trung ương
- Các vụ địa phương của các ban đảng Trung ương tại Đà Nẵng
- Thường trực HĐND tỉnh
- UBND tỉnh
- Các ban đảng Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên
- C,PCVP Tỉnh ủy, P.Tổng hợp, Kinh tế
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Quang

Xác nhận

chữ ký của đồng chí Nguyễn Thanh Quang

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lê Viết Chử